

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8 6 7 /XNK-TMQT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021

V/v tháo gỡ khó khăn cho hoạt
động xuất nhập khẩu hàng hóa qua
các cửa khẩu biên giới phía Bắc



Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang.

Hiện nay, hoạt động xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc đang bị ùn tắc, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và vào thời điểm chính vụ thu hoạch một số nông sản, trái cây tươi xuất khẩu. Nhằm triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, giảm thiểu thiệt hại cho các doanh nghiệp, góp phần khắc phục tình trạng ùn tắc, tồn đọng hàng hóa tại các cửa khẩu (*trong đó bao gồm hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam, hàng hoá kinh doanh tạm nhập, tái xuất và hàng hoá của các nước quá cảnh qua Việt Nam, xuất khẩu sang Trung Quốc*), Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương xin trao đổi và đề nghị các Sở Công Thương phối hợp một số nội dung như sau:

1. Thông tin tới các doanh nghiệp, chủ hàng quá cảnh, thương nhân kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hoá:

(i) Thực hiện đúng các quy định về quá cảnh, tạm nhập, tái xuất hàng hoá theo các quy định pháp luật hiện hành.

(ii) Trong trường hợp có nhu cầu chuyển hàng hóa quá cảnh vào trong nội địa Việt Nam để tiêu thụ, đề nghị quý Sở thông tin, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh theo quy định pháp luật hiện hành (chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm).

(iii) Trường hợp hàng hóa quá cảnh, hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất cần phải tiến hành việc tiêu hủy (chất lượng hàng hoá không còn tốt như ban đầu, hư hỏng gây ô nhiễm môi trường,...), đề nghị quý Sở hướng dẫn doanh nghiệp, chủ hàng và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý, đồng thời giám sát quản lý chặt chẽ, thực hiện việc tiêu hủy theo đúng quy định của Luật Hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn thông tin, khuyến cáo đến các doanh nghiệp, chủ hàng quá cảnh của các nước và doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất cân nhắc việc tạm nhập, đưa hàng hóa quá cảnh qua Việt Nam để xuất khẩu, tái xuất sang Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới đường bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc để tránh các rủi ro, thiệt hại không đáng có, góp phần khắc phục, giảm tình trạng ùn ứ, tồn đọng hàng hóa tại các cửa khẩu biên giới phía Bắc;

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi sát tình hình, diễn biến, tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh để kịp thời có biện pháp điều tiết, giải tỏa ách tắc hàng hoá (gồm hàng hoá xuất nhập khẩu nói chung và hàng hoá kinh doanh tạm nhập, tái xuất, quá cảnh nói riêng), tháo gỡ khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc.

4. Tiếp tục cập nhật, đưa tin thường xuyên về diễn biến giao nhận, thông quan hàng hóa tại cửa khẩu trên địa bàn và các vấn đề liên quan; kịp thời trao đổi, phản ánh với Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan những vấn đề phát sinh để cùng phối hợp xử lý.

Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Quốc Khánh (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phòng QLXNK khu vực: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh (để thực hiện);
- Lưu: VT, TMQT, dungba.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Quốc Toàn

Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC 01

(Gửi kèm theo văn bản số 8 6 7 /XNK-TMQT ngày 2 7 tháng 12 năm 2021)

I. Tiêu thụ hàng hoá quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam

Hoạt động quá cảnh hàng hóa hiện nay thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Thông tư số 09/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu qua biên giới đất liền đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan và các Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới.

1. Tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của các nước

Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của các nước nói chung (trong đó có hàng hoá quá cảnh của các nước trong ASEAN như Thái Lan) thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 45 Luật Quản lý ngoại thương 2017, cụ thể như sau: “Hàng hóa quá cảnh khi được tiêu thụ nội địa phải thực hiện theo quy định về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”.

2. Đối với tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của các nước có chung đường biên giới

a) Hàng quá cảnh của Trung Quốc

Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của chủ hàng Trung Quốc thực hiện theo quy định tại Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa về quá cảnh hàng hóa và Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước CHND Trung Hoa qua lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Tại Điều 15 Thông tư số 11/2015/TT-BCT quy định như sau:

“1. Hàng hóa quá cảnh không được phép tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trường hợp đặc biệt, việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam phải được phép của Bộ Công Thương.

3. Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh trong trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều này phải thực hiện qua các thương nhân Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan Hải quan theo quy định pháp luật về quản lý xuất nhập khẩu. Các loại thuế thực hiện theo quy định pháp luật.

4. Hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh:

a) Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của chủ hàng: 01



(một) bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 (một) bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng;

c) Tài liệu chứng minh trường hợp đặc biệt đối với hàng hóa quá cảnh cần xin được tiêu thụ tại Việt Nam;

d) Văn bản xác nhận của cơ quan Hải quan về tình trạng lô hàng quá cảnh: 01 (một) bản chính;

đ) Tờ khai Hải quan của lô hàng quá cảnh: 01 (một) bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng).

5. Trình tự, thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh như sau:

a) Chủ hàng gửi 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 4 Điều này theo đường bưu điện đến Bộ Công Thương (Cục Xuất nhập khẩu, địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam) để được xem xét giải quyết việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh;

b) Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương có văn bản gửi chủ hàng yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa;

d) Trường hợp không cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh, Bộ Công Thương có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do”.

b) Hàng quá cảnh của Lào

Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của chủ hàng Lào thực hiện theo quy định tại Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào và Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước CHDCND Lào qua lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Tại Điều 11 Thông tư số 22/2009/TT-BCT quy định như sau:

“1. Cấm phân phối, buôn bán, tiêu thụ tại Việt Nam hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành.

2. Trừ hàng hóa thuộc Danh mục nêu tại khoản 1 Điều này, các loại hàng hóa quá cảnh khác được phép tiêu thụ tại Việt Nam trong trường hợp bất khả kháng sau khi được Bộ trưởng Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

3. Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh nêu tại khoản 2 Điều này phải thực hiện

qua thương nhân Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan Hải quan theo quy định hiện hành về quản lý xuất nhập khẩu.

4. Trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 2 Điều này, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng quá cảnh đến Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương. Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a. Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

b. Tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh xin được tiêu thụ tại Việt Nam.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

c) Hàng quá cảnh của Campuchia

Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh của chủ hàng Campuchia thực hiện theo quy định tại Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ Hoàng gia Campuchia và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

Tại Điều 12 Thông tư số 27/2014/TT-BCT quy định như sau:

“1. Cấm tiêu thụ tại Việt Nam hàng hóa quá cảnh thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu.

2. Hàng hóa không thuộc Danh mục quy định tại Khoản 1 Điều này không được phép tiêu thụ tại Việt Nam trừ trường hợp bất khả kháng. Việc tiêu thụ hàng hóa quy định tại Khoản này phải được Bộ Công Thương chấp thuận bằng văn bản.

3. Việc tiêu thụ hàng hóa quá cảnh nêu tại Khoản 2 Điều này phải thực hiện qua các thương nhân Việt Nam và phải làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan Hải quan theo quy định hiện hành về quản lý xuất nhập khẩu.

4. Trong trường hợp bất khả kháng quy định tại Khoản 2 Điều này, chủ hàng gửi hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương). Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh: 01 bản chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Giấy phép quá cảnh hàng hóa đã được cấp: 01 bản sao (có ký xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của chủ hàng), nếu là hàng hóa quá cảnh theo giấy phép.

c) Tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh xin được tiêu thụ tại Việt Nam.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh là 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.”

II. Tiêu thụ hàng hoá kinh doanh tạm nhập, tái xuất

Hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất hiện nay thực hiện theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương 2017, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương, Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Thông tư số 09/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu qua biên giới đất liền đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyên khẩu và gửi kho ngoại quan.

1. Tại khoản 4 Điều 39 Luật Quản lý ngoại thương quy định như sau:

“Việc tiêu thụ hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất trong nội địa phải thực hiện theo quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

2. Tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định như sau:

“Hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất được lưu lại tại Việt Nam không quá 60 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập. Trường hợp cần kéo dài thời hạn, thương nhân có văn bản đề nghị gia hạn gửi Chi cục Hải quan nơi thực hiện thủ tục tạm nhập; thời hạn gia hạn mỗi lần không quá 30 ngày và không quá hai 2 lần gia hạn cho mỗi lô hàng tạm nhập, tái xuất.

Quá thời hạn nêu trên, thương nhân phải tái xuất hàng hóa ra khỏi Việt Nam hoặc tiêu hủy. Trường hợp nhập khẩu vào Việt Nam thì thương nhân phải tuân thủ các quy định về quản lý nhập khẩu hàng hóa và thuế.”

Tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định đối với hàng hoá kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện như sau:

“Doanh nghiệp không được chuyển loại hình từ kinh doanh tạm nhập, tái xuất sang nhập khẩu để tiêu thụ nội địa đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện.”